



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM  
Số: 279 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2023

C.V.ĐẾN  
Số: 1251  
Ngày: 28/11/2023  
Giấy: 12023

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Thông số kỹ thuật luồng hàng hải Đồng Nai đoạn điều chỉnh cục bộ**  
**qua vị trí cầu Nhơn Trạch**

**ĐNA - 06 - 2023**

Vùng biển: Tỉnh Đồng Nai

Tên luồng: Luồng hàng hải Đồng Nai

Đoạn luồng: Từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "21A" khoảng 440 m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số "21" khoảng 650 m

Căn cứ Đơn đề nghị số 4047/PMUMT-ĐHDA2 nhận ngày 28/11/2023 của Ban quản lý dự án Mỹ Thuận về việc công bố thông báo hàng hải điều chỉnh cục bộ luồng hàng hải Đồng Nai đoạn điều chỉnh cục bộ qua vị trí cầu Nhơn Trạch.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo: Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải Đồng Nai, đoạn điều chỉnh cục bộ qua vị trí cầu Nhơn Trạch từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "21A" khoảng 440 m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số "21" khoảng 650 m được chia thành 2 nhánh với chiều dài khoảng  $L = 2,0$  Km, bề rộng  $B = 60$  m, được hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải như sau:

1. Hướng tuyến luồng điều chỉnh

1.1. Tuyến luồng nhánh bên phải (qua vị trí trụ P19-P20)

a. Tìm tuyến luồng được xác định bởi các điểm ở bảng sau:

| Tên điểm | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|----------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|          | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| T6       | 10°45'43,8"N | 106°49'41,5"E | 10°45'40,1"N | 106°49'48,0"E |
| T6'      | 10°45'52,2"N | 106°49'46,3"E | 10°45'48,5"N | 106°49'52,7"E |
| T7A'     | 10°46'03,0"N | 106°49'54,4"E | 10°45'59,3"N | 106°50'00,8"E |
| T8A'     | 10°46'04,8"N | 106°49'55,8"E | 10°46'01,1"N | 106°50'02,3"E |
| T9A'     | 10°46'06,4"N | 106°49'57,5"E | 10°46'02,7"N | 106°50'03,9"E |
| T10A'    | 10°46'24,4"N | 106°50'17,7"E | 10°46'20,8"N | 106°50'24,2"E |
| T11A'    | 10°46'26,5"N | 106°50'20,5"E | 10°46'22,8"N | 106°50'27,0"E |
| T12'     | 10°46'31,9"N | 106°50'33,5"E | 10°46'28,2"N | 106°50'39,9"E |
| T10      | 10°46'35,9"N | 106°50'47,0"E | 10°46'32,3"N | 106°50'53,4"E |

b. Biên luồng được xác định bởi các điểm ở bảng sau:

- Biên phải luồng:

| Tên điểm | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|----------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|          | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| BP14     | 10°45'42,2"N | 106°49'43,4"E | 10°45'38,6"N | 106°49'49,9"E |
| BP1.1    | 10°45'59,4"N | 106°49'53,2"E | 10°45'55,7"N | 106°49'59,6"E |

|       |              |               |              |               |
|-------|--------------|---------------|--------------|---------------|
| BP2.1 | 10°46'02,9"N | 106°49'55,6"E | 10°45'59,2"N | 106°50'02,0"E |
| BP3.1 | 10°46'06,0"N | 106°49'58,5"E | 10°46'02,4"N | 106°50'05,0"E |
| BP4.1 | 10°46'22,6"N | 106°50'17,1"E | 10°46'18,9"N | 106°50'23,6"E |
| BP5.1 | 10°46'23,9"N | 106°50'18,8"E | 10°46'20,2"N | 106°50'25,3"E |
| BP6.1 | 10°46'25,1"N | 106°50'20,7"E | 10°46'21,4"N | 106°50'27,1"E |
| BP7.1 | 10°46'26,0"N | 106°50'22,6"E | 10°46'22,4"N | 106°50'29,1"E |
| BP19  | 10°46'33,6"N | 106°50'47,7"E | 10°46'29,9"N | 106°50'54,2"E |

- Biên trái luồng:

| Tên điểm | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|----------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|          | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| B1       | 10°46'03,4"N | 106°49'52,6"E | 10°45'59,7"N | 106°49'59,0"E |
| B2       | 10°46'28,0"N | 106°50'20,3"E | 10°46'24,3"N | 106°50'26,8"E |

1.2. Tuyến luồng nhánh bên trái (qua vị trí trụ P20-P21)

a. Tìm tuyến luồng được xác định bởi các điểm ở bảng sau:

| Tên điểm | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|----------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|          | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| T6       | 10°45'43,8"N | 106°49'41,5"E | 10°45'40,1"N | 106°49'48,0"E |
| T6'      | 10°45'52,2"N | 106°49'46,3"E | 10°45'48,5"N | 106°49'52,7"E |
| T7B'     | 10°46'02,5"N | 106°49'50,6"E | 10°45'58,9"N | 106°49'57,1"E |
| T8B'     | 10°46'07,6"N | 106°49'53,4"E | 10°46'03,9"N | 106°49'59,9"E |
| T9B'     | 10°46'11,9"N | 106°49'57,3"E | 10°46'08,3"N | 106°50'03,8"E |
| T10B'    | 10°46'24,4"N | 106°50'11,3"E | 10°46'20,7"N | 106°50'17,8"E |
| T11B'    | 10°46'27,2"N | 106°50'15,4"E | 10°46'23,5"N | 106°50'21,8"E |
| T12B'    | 10°46'28,9"N | 106°50'20,1"E | 10°46'25,2"N | 106°50'26,5"E |
| T12'     | 10°46'31,9"N | 106°50'33,5"E | 10°46'28,3"N | 106°50'39,9"E |
| T10      | 10°46'35,9"N | 106°50'47,0"E | 10°46'32,3"N | 106°50'53,4"E |

b. Biên luồng được xác định bởi các điểm ở bảng sau:

- Biên phải luồng:

| Tên điểm | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|----------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|          | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| B1       | 10°46'03,4"N | 106°49'52,6"E | 10°45'59,7"N | 106°49'59,0"E |
| BP1.2    | 10°46'07,1"N | 106°49'54,7"E | 10°46'03,4"N | 106°50'01,2"E |
| BP2.2    | 10°46'09,3"N | 106°49'56,2"E | 10°46'05,7"N | 106°50'02,7"E |
| BP3.2    | 10°46'11,3"N | 106°49'58,1"E | 10°46'07,6"N | 106°50'04,5"E |
| BP4.2    | 10°46'23,6"N | 106°50'11,9"E | 10°46'19,9"N | 106°50'18,3"E |
| BP5.2    | 10°46'24,9"N | 106°50'13,6"E | 10°46'21,2"N | 106°50'20,0"E |
| BP6.2    | 10°46'26,1"N | 106°50'15,4"E | 10°46'22,4"N | 106°50'21,8"E |
| BP7.2    | 10°46'27,0"N | 106°50'17,3"E | 10°46'23,3"N | 106°50'23,8"E |
| B2       | 10°46'28,0"N | 106°50'20,3"E | 10°46'24,3"N | 106°50'26,8"E |

- Biên trái luồng:

| Tên điểm | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|----------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|          | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| BT13     | 10°45'42,6"N | 106°49'36,5"E | 10°45'38,9"N | 106°49'43,0"E |
| BT1.2    | 10°45'47,7"N | 106°49'40,9"E | 10°45'44,0"N | 106°49'47,4"E |

|       |              |               |              |               |
|-------|--------------|---------------|--------------|---------------|
| BT2.2 | 10°46'08,7"N | 106°49'52,2"E | 10°46'05,0"N | 106°49'58,7"E |
| BT3.2 | 10°46'29,0"N | 106°50'15,0"E | 10°46'25,3"N | 106°50'21,5"E |
| BT16  | 10°46'38,3"N | 106°50'46,3"E | 10°46'34,6"N | 106°50'52,7"E |

2. Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

- Tuyến luồng nhánh bên phải (qua vị trí trụ P19-P20) với chiều dài 1.916 m. Độ sâu đạt 9,2 m.

- Tuyến luồng nhánh bên trái (qua vị trí trụ P20-P21) với chiều dài 1.993 m. Độ sâu đạt 10,4 m.

3. Trong phạm vi khảo sát rà quét chướng ngại vật, luồng hàng hải Đồng Nai đoạn điều chỉnh cục bộ qua vị trí cầu Nhơn Trạch từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “21A” khoảng 440 m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “21” khoảng 650 m được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên không phát hiện chướng ngại vật nguy hiểm.

### HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành hải trên đoạn luồng điều chỉnh cục bộ qua vị trí cầu Nhơn Trạch thuộc tuyến luồng hàng hải Đồng Nai căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai và hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS).

Số liệu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu ĐCCB\_ĐN\_2311\_01, ĐCCB\_ĐN\_2311\_02 tỷ lệ 1/2.000; sơ đồ rà tìm chướng ngại vật ký hiệu RA\_ĐCCB\_ĐN\_2311\_01, RA\_ĐCCB\_ĐN\_2311\_02 tỷ lệ 1/2.000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 11 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ trực tiếp với Ban quản lý dự án Mỹ Thuận <sup>(1)</sup>./. 

#### Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV TT điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH<sub>Bình</sub>

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đinh Thái Công**

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

### Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
  - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
  - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
  - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
  - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
  - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
  - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
  - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
  - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
  - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
  - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
  - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
  - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 14 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Biển Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 27 Sở GTVT tỉnh Đồng Nai
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Nai
- 29 Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 30 Ban quản lý dự án Mỹ Thuận



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM  
Số: 283 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 11 năm 2023

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Đồng Nai**

**HCM - 51 - 2023**

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai.

Tên luồng: Luồng hàng hải Đồng Nai.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu ĐN\_2311\_01 đến ĐN\_2311\_07, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 11/2023, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật luồng hàng hải Đồng Nai như sau:

Trong phạm vi tuyến luồng hàng hải có chiều dài 35,7 km, chiều rộng 150 m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”:

1. Đoạn 1: Tiếp nối luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu tại Nhà Bè, bắt đầu từ mũi Đèn Đỏ đến ngã ba rạch Ông Nhiều chiều dài 9,5 km, độ sâu đạt 8,5 m.

2. Đoạn 2: Từ ngã ba rạch Ông Nhiều đến hạ lưu cầu Đồng Nai (cách cầu Đồng Nai 150 m) chiều dài 26,2 km (đoạn luồng qua khu vực cầu Long Thành dài khoảng 1,0 km, với 02 khoang thông thuyền, mỗi khoang rộng 60 m) như sau:

- Đoạn luồng từ ngã ba rạch Ông Nhiều đến phao BHHH số “15” + 650 m, chiều dài khoảng 2,0 km, độ sâu đạt 7,5 m nằm sát biên luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 8,2 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “15” + 650 m đến đăng tiêu BHHH số “23” – 350 m, chiều dài 6,1 km, độ sâu đạt 9,5 m, độ sâu tại tim luồng đạt 10,4 m.

- Đoạn luồng từ đăng tiêu BHHH số “23” – 350 m đến khu vực phao BHHH số “14”, chiều dài khoảng 850 m, độ sâu đoạn luồng đạt 4,1 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 10,1 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “14” đến phao BHHH số “27” + 240 m, có chiều dài 1,4 km, độ sâu đạt 6,8 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 7,5 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “27” + 240 m đến khu vực cặp phao BHHH số “26” “37”, chiều dài khoảng 4,8 km, độ sâu đạt 9,1 m.

- Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số “26”, “37” đến phao BHHH số “28” + 370 m, chiều dài khoảng 2,1 km, độ sâu đạt 6,3 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 7,3 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “28” + 370 m đến phao BHHH số “41”, chiều dài khoảng 5,1 km, độ sâu đạt 3,1 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 4,8 m.



- Ban QA  
- P. KT, KQ  
10/12/2023

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “41” đến hạ lưu cầu Đồng Nai (cách cầu Đồng Nai 150 m), chiều dài khoảng 3,7 km như sau:

+ Tồn tại bãi đá ngầm nằm bên trái luồng, giữa cặp phao BHHH “E1”, “E2”, bãi đá ngầm lấn luồng xa nhất 48 m, độ sâu nhỏ nhất của bãi đá ngầm lấn luồng đạt 1,2 m, tại vị trí có tọa độ như sau:

| Độ sâu<br>(m) | Hệ VN-2000   |               | Hệ WGS-84    |               |
|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|               | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| 1,2           | 10°52'12,1"N | 106°50'37,1"E | 10°52'08,4"N | 106°06'43,5"E |

+ Tồn tại bãi đá ngầm nằm giữa luồng, kéo dài từ phao BHHH số “32” + 350 m đến phao BHHH “32” + 500 m, có chiều dài 180 m, độ sâu bãi đá ngầm đạt 4,1 m nằm rải rác.

Ngoài các bãi đá ngầm nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 5,0 m.

3. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu số 01 (phía trước Bến cảng Cát Lái) được thiết kế là đường tròn đường kính 356 m, tâm V1 tại vị trí có tọa độ:

| Tên<br>Điểm | Hệ VN-2000   |               | Hệ WGS-84    |               |
|-------------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|             | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| V1          | 10°45'49,3"N | 106°48'04,7"E | 10°45'45,6"N | 106°48'11,2"E |

- Độ sâu đạt 9,2 m.

4. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu số 02 (tại khu vực ngã ba rạch Ông Nhiêu) được thiết kế là đường tròn đường kính 300 m, tâm V2 tại vị trí có tọa độ như sau:

| Tên<br>Điểm | Hệ VN-2000   |               | Hệ WGS-84    |               |
|-------------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|             | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| V2          | 10°46'54,2"N | 106°49'09,4"E | 10°46'50,5"N | 106°49'15,9"E |

- Độ sâu đạt 7,6 m.

5. Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu số 03 (phía trước Bến cảng Đồng Nai) được thiết kế là 1/2 đường tròn đường kính 300 m, tâm V3 tại vị trí có tọa độ như sau:

| Tên<br>Điểm | Hệ VN-2000   |               | Hệ WGS-84    |               |
|-------------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|             | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| V3          | 10°53'51,5"N | 106°50'17,9"E | 10°53'47,9"N | 106°50'24,3"E |

- Độ sâu đạt 10,1 m.

### HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trên tuyến luồng hàng hải Đồng Nai, căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống BHHH dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các bãi đá ngầm, và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai./.

#### Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH<sub>Dai</sub>.

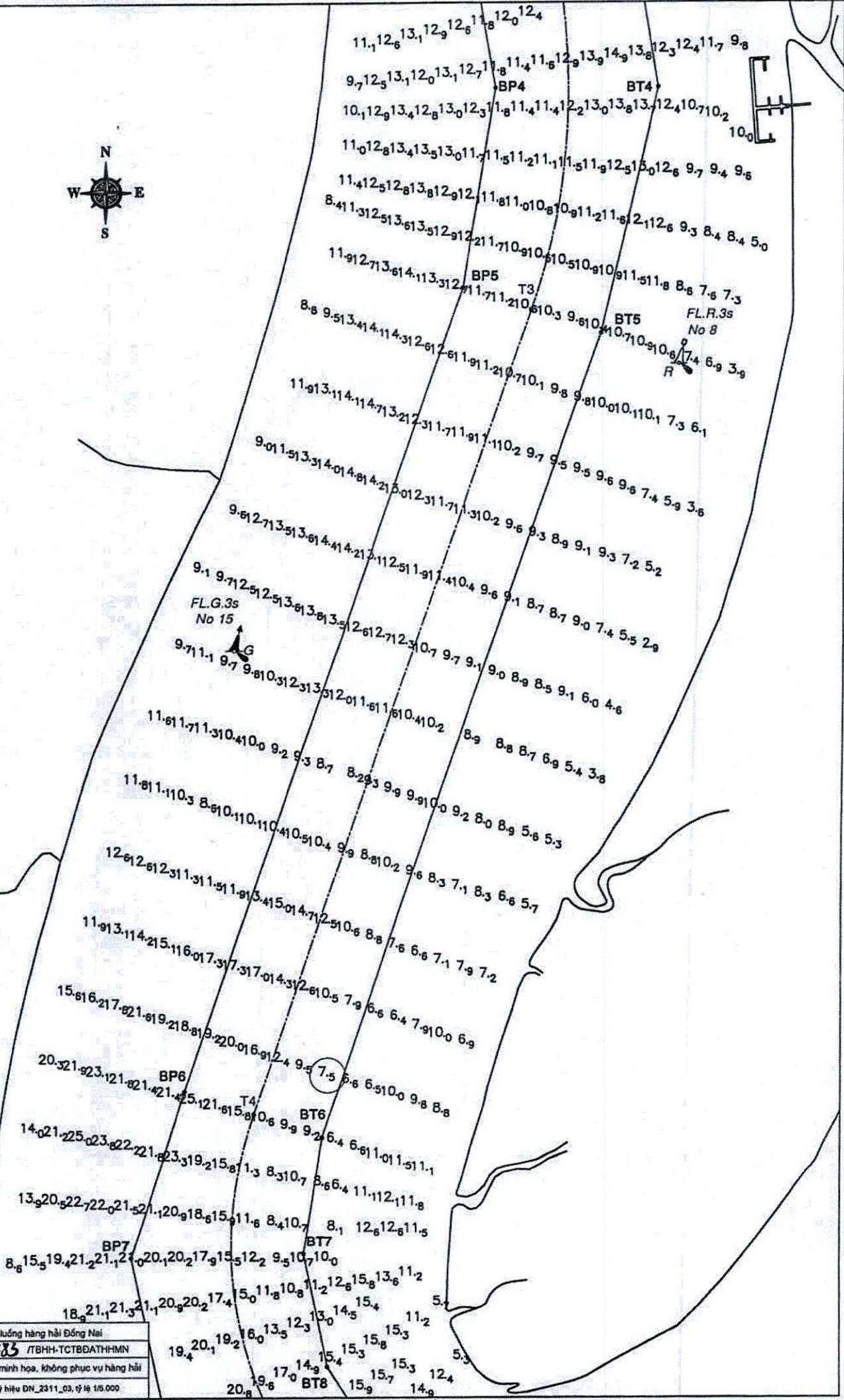
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đinh Thái Công**

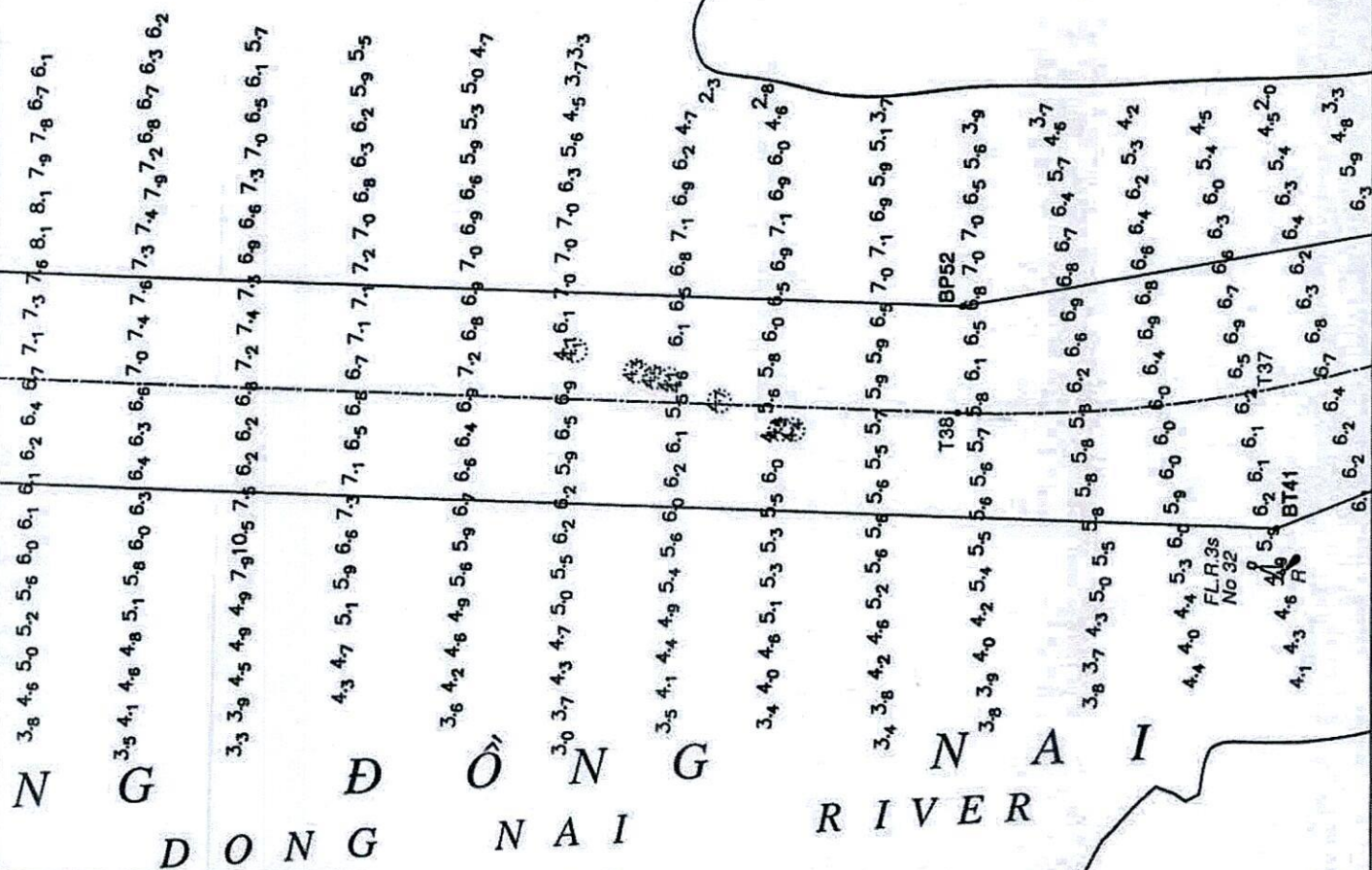
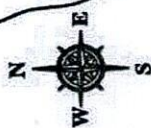
### Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
  - Liên danh Việt – Nga Vietsovetpetro (VSP)
  - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
  - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
  - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
  - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
  - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
  - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
  - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
  - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
  - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
  - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
  - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
  - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng XD Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT Tp.HCM
- 18 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Tp.HCM
- 19 Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Bộ đội Biên phòng Tp. Hồ Chí Minh
- 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 25 Phòng CSGT đường thủy Tp. HCM
- 26 Sở GTVT và Sở NN&PTNT Tp. HCM
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 29 Sở GTVT và Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Nai
- 30 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Đồng Nai

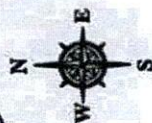


Vị trí các điểm đo sâu luồng hàng hải Đồng Nai  
Kèm theo TBHH số 235 /TBHH-TCTĐATHHVN  
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải  
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu DN\_2311\_03, tỷ lệ 1/5.000

cù lao Ba Xê  
Ba Xe islet



|                                                       |
|-------------------------------------------------------|
| Vị trí các điểm đo sâu lòng sông tại Đồng Nai         |
| Kiểm theo TBMH số <b>23</b> /TBH-TCTBĐTHMN            |
| Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải |
| Trích từ bản đồ đo sâu kỹ thuật BNM_2311_07_V.10.000  |



**tỉnh Đồng Nai**  
**Dong Nai province**  
**thành phố Biên Hòa**  
**Bien Hoa city**  
**xã Long Hưng**  
**Long Hung commune**

cù Lao Ba Xang  
Ba Xang islet



Vị trí các điểm đo yêu lương hàng hải Đồng Nai

Kom theo TBM số 283 /TBM-ICTBATHAN

đó đã mang lại chất minh hoa, không chực vụ hàng hải

1890